

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HÓA
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Đ, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Ngày: 25/8/2021.

*“Về việc Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Tuế;

2. Bà Trần Thị Hồng Thúy.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Bùi Đức Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nông Chính Ch, sinh 1985.

Địa chỉ: Xóm LB, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm: 1986.

Nơi ĐKKHKT: Xóm LB, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm QV, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nông Chính Ch trình bày:

Anh và chị Trần Thị Th kết hôn với nhau vào ngày 24/02/2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn anh, chị được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị Th về nhà anh làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình chồng được khoảng một năm thì vợ chồng ra ăn ở riêng trên đất của bố mẹ chồng chia cho. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 3/2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là trong ăn ở sinh hoạt gia đình và cách nuôi dạy con cái. Do kinh tế khó khăn vào tháng 6/2017 anh đi làm ăn xa, trong thời gian anh đi làm xa anh luôn quan tâm đến vợ con, thường xuyên gửi tiền về cho vợ để chăm lo gia đình và con cái, đến tháng 12/2017 (âm lịch) thì anh về không đi làm nữa nhưng đến tháng 5/2019 anh lại đi làm, đến cuối năm anh lại về, trong thời gian anh đi làm chị Th ở nhà không chung thủy, tuy nhiên anh không có tài liệu, chứng cứ gì, dẫn đến vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Gia đình hai bên cũng khuyên bảo, giải hòa cho vợ chồng nhưng mâu thuẫn đã quá trầm trọng không thể hàn gắn được, cuối tháng 12/2020 chị Th về nhà bố mẹ đẻ ở đến tết năm 2021 chị Th về ăn tết cùng gia đình được ba ngày sau đó lại ra nhà bố mẹ đẻ ở từ đó không về nữa, đến nay chị Th không đồng ý ly hôn là gây khó khăn cho anh còn thực tế cũng không còn tình cảm gì với anh, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục cùng chung sống. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Ch xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh cương quyết xin được ly hôn chị Th.

Về con chung: Anh Ch xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nông Thị Mỹ L, sinh ngày 06/7/2006, hiện nay chuẩn bị vào học lớp 10 tại trường THPT Bình Yên và Nông Ngọc Th, sinh ngày 07/7/2007 hiện đang học tại trường THCS ĐT, từ khi nghỉ hè tháng 5/2021 đến nay các con ra ở nhà ông bà ngoại cùng với chị Th. Ly hôn, anh xin được nuôi cả hai con chung là Nông Thị Mỹ L và Nông Ngọc Th cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị Th phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Nếu các con có nguyện vọng muốn ở với mẹ anh cũng tôn trọng ý kiến của các con, chị Th yêu cầu thì anh sẽ có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi các con với mức 750.000đ/tháng/01 con (hai con là 1.500.000đ/tháng) cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh không có ý kiến gì thêm, đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Anh Ch xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Anh Ch xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Anh Ch xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Bị đơn chị Trần Thị Th trình bày:*

Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống như anh Ch trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2014 – 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn đến năm 2017 mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, trong ăn ở sinh hoạt, anh Ch thường xuyên đi uống rượu về thì lại chửi mắng vợ con nhiều lần vợ chồng đã xảy ra xô sát, gia đình hai bên cũng can ngăn giải hòa, chị cũng góp ý nhiều lần nhưng anh Ch không thay đổi tính nết, tháng 12/2020 (âm lịch) anh Ch đánh chị nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh Ch xin ly hôn chị không đồng ý vì nghĩ thương con, nếu ly hôn sẽ thiếu vắng tình cảm của bố và chị xác định vẫn còn yêu thương anh Ch, mong muốn anh Ch suy nghĩ lại rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung ngoài ra chị không có ý kiến gì thêm, đề nghị Tòa án xem xét.

- Về con chung: Chị Th xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nông Thị Mỹ L, sinh ngày 06/7/2006, hiện nay chuẩn bị vào học lớp 10 học tại trường THPT Bình Yên và Nông Ngọc Th, sinh ngày 07/7/2007 hiện đang học tại trường THCS ĐT, từ khi nghỉ hè tháng 5/2021 đến nay các con ra ở nhà ông bà ngoại ở với chị. Ly hôn chị xin được nuôi cả hai con chung là Nông Thị Mỹ L và Nông Ngọc Th cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) và yêu cầu anh Ch phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con với mức 750.000đ/tháng/01 con (hai con là 1.500.000đ/tháng) cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị không có ý kiến gì thêm, đề nghị Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Chị Th xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo pháp luật tố tụng, việc cấp giao tổng đạt văn bản

tổ tụng, việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Ch, cho anh Ch được ly hôn chị Th. Về con chung: Giaohai con chung là cháu Nông Thị Mỹ L, sinh ngày 06/7/2006 và Nông Ngọc Th, sinh ngày 07/7/2007 cho chị Th trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi có sự thay đổi khác; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ch phải có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nông Thị Mỹ L, sinh ngày 06/7/2006 với mức 750.000đ/tháng và cháu Nông Ngọc Th, sinh ngày 07/7/2007 với mức 750.000đ/tháng; Về tài sản chung: Anh Ch, chị Th tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi mà bị đơn cư trú tại xóm QV, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Ch nhận thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian hạnh phúc. Đến năm 2014 - 2015 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trong ăn, ở sinh hoạt hàng ngày đến năm 2017 mâu thuẫn trầm trọng nên luôn xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2020 (âm lịch) cho đến nay. Anh Ch cho rằng trong thời gian anh đi làm chị Th ở nhà không chung thủy tuy nhiên về tài liệu

chứng cứ anh không cung cấp được cho Tòa án và cũng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc chị Th vi phạm chế độ một vợ một chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, anh góp ý nhưng chị Th không sửa đổi. Chị Th cho rằng có bất đồng về quan điểm sống trong ăn ở sinh hoạt, nuôi dạy con cái, anh Ch thường xuyên uống rượu về là chửi mắng vợ con, nhiều lần vợ chồng đã xảy ra xô sát, đã được gia đình hai bên giải hòa nhưng vợ chồng vẫn không thể hòa thuận. Tháng 12/2020 (âm lịch) chị Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Giữa hai vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung, ai cũng đi tìm công việc, cuộc sống riêng cho mình, ai cũng có lý do và đổ lỗi cho nhau về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, dẫn đến việc anh Ch xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, đã giành nhiều thời gian cho vợ chồng để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Chị Th cũng không đưa ra được biện pháp, cách thức nào để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của anh Ch là có căn cứ, đúng thực tế. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay anh Ch không rút đơn xin ly hôn mà cương quyết xin được ly hôn chị Th. Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của anh Ch cần được chấp nhận.

[3]. Về yêu cầu xin nuôi con chung của anh Ch, chị Th xét thấy: Anh Ch, chị Th có hai con chung là Nông Thị Mỹ L, sinh ngày 06/7/2006 và Nông Ngọc Th, sinh ngày 07/7/2007. Anh Ch, chị Th đều có nơi ở, có việc làm, có thu nhập ổn định, hiện nay các con đang ở với chị Th và được chăm sóc, học tập tốt. Việc giao cháu cháu Lê, cháu Thắng cho chị Th được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của chị Th, của cháu Lê, cháu Thắng, đảm bảo quyền, lợi ích mọi mặt của cháu L, cháu Th. Vì vậy nguyện vọng xin được nuôi con của chị Th là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận.

[4]. Về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Th xét thấy: Anh Ch có sức khỏe, có việc làm, có thu nhập, việc cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Anh Ch đồng ý đóng góp cấp dưỡng nuôi con là Nông Thị Mỹ L, sinh ngày 06/7/2006 với mức 750.000^d (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/01 (trên một tháng) và Nông Ngọc Th, sinh ngày 07/7/2007 với mức 750.000^d (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/01 (trên một tháng) cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được theo như yêu cầu của chị Th. Xét yêu cầu của chị Th là phù hợp với thực tế, đúng quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[5]. Về tài sản chung: Anh Ch, chị Th tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Anh Ch, chị Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Anh Ch, chị Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; 271; 273 và Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 9; Điều 51, Điều 53; Điều 56, Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Chính Chđược ly hôn chị Trần Thị Th.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nông Thị Mỹ L, sinh ngày 06/7/2006và Nông Ngọc Th, sinh ngày 07/7/2007cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh Ch có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hàng tháng anh Nông Chính Ch có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung Nông Thị Mỹ L, sinh ngày 06/7/2006với mức là 750.000^d (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) trên 01 (trên một tháng) và Nông Ngọc Th, sinh ngày 07/7/2007 với mức là 750.000^d (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) trên 01 (trên một tháng) cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghịtheo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất theo quy định tại khoản 1 Điều

468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a, Điều 7b; Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Về tài sản chung: Anh Nông Chính Ch và chị Trần Thị Th đều xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Anh Nông Chính Ch và chị Trần Thị Th đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Anh Nông Chính Ch và chị Trần Thị Th đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

Anh Nông Chính Ch phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007023 ngày 24/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Anh Nông Chính Ch còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hóa (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã TL;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng

